

LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP TẬP

QUYỂN 9

PHẦN QUYẾT TRẠCH

Phẩm 1 : ĐẾ (Phần 4)

- Kiến đạo. Thế nào là Kiến đạo? Nếu nói chung, là pháp Thế bậc nhất vô gián, thì Tam-ma-địa Bát-la-nhã Vô sở đắc và tương ứng với pháp Thế bậc nhất kia, vì Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na vô phân biệt làm thể tướng.

Lại nữa, trí bình đẳng bình đẳng của sở duyên và năng duyên là tướng của Kiến đạo, vì trí này thông đạt Chân như vô tánh của sở thủ, năng thủ.

Lại, loại trừ từng thứ riêng biệt hữu tình giả và pháp giả, vì dứt trừ khắp pháp trí sở duyên của hai giả làm tướng.

Hỏi: Thế nào là loại trừ từng thứ riêng biệt pháp trí sở duyên của hữu tình giả làm tướng ?

Đáp: Do trí này trong tự nối tiếp không phân biệt tướng ngã. Không phân biệt, nghĩa là dứt trừ.

Hỏi: Thế nào là dứt trừ từng thứ riêng biệt pháp trí sở duyên của pháp giả làm tướng ?

Đáp: Do trí này trong tự nối tiếp không phân biệt pháp tướng của sắc.

Hỏi: Thế nào là dứt trừ khắp pháp trí sở duyên của hai giả làm tướng ?

Đáp: Do trí này đối với tất cả xứ không sai khác, không phân biệt tướng ngã và tướng pháp.

Lại nữa, nếu nói riêng về Kiến đạo sai khác gọi là pháp Thế bậc nhất vô gián: 1. Khổ Pháp trí nhãn. 2. Khổ Pháp trí. 3. Khổ Loại trí nhãn. 4. Khổ Loại trí. 5. Tập Pháp trí nhãn. 6. Tập Pháp trí. 7. Tập Loại trí nhãn. 8. Tập Loại trí. 9. Diệt Pháp trí nhãn. 10. Diệt Pháp trí. 11. Diệt

Loại trí nhãn. 12. Diệt Loại trí. 13. Đạo Pháp trí nhãn. 14. Đạo Pháp trí. 15. Đạo Loại trí nhãn. 16. Đạo Loại trí. Mười sáu như vậy thứ trong các thánh đế thì pháp loại trí nhãn và pháp loại trí là tương sai khác của Kiến đạo.

- *Khổ Pháp*: Khổ là Khổ đế. Khổ pháp, sanh khởi giáo pháp tăng thượng của khổ đế. Pháp trí, là quán sát đế tăng thượng pháp trí trong đạo phương tiện. Trí nhãn là quán sát năng lực tăng thượng đầu tiên trong mỗi khổ đế riêng biệt khởi hiện chứng tuệ vô lậu. Do tuệ này mà xả hẳn thấy khổ mà dứt tất cả phiền não. Hiện tại đã nói nghĩa trong đây, là quán sát chỗ nương của khổ đế trong đạo phương tiện, sanh khởi pháp của khế kinh, vì sự nhiếp giữ lực tăng thượng của tác ý như lý, hiện chứng Chân như trong khổ đế tự nối tiếp, thì thể chánh kiến của tuệ xuất thế gian sinh khởi. Do tuệ này nên xả hẳn thấy khổ mà dứt sự trói buộc của hai mươi tám tùy miên trong tất cả kiến khổ, trong ba cõi do đó gọi là khổ pháp trí nhãn.

- *Khổ pháp trí*: Là nhãn Vô gián. Do trí này nên đối với đã dứt phiền não giải thoát ở trước mà được làm chứng. Vì sao? Vì trước là do nhãn nên dứt hẳn tất cả phiền não do thấy khổ mà dứt, khiến cho chỗ nương chuyển từ vô gián này, do trí sinh như vậy mà chứng đắc chuyển y, gọi là khổ pháp trí.

- *Khổ loại trí nhãn*, là khổ pháp trí tuệ vô gián vô lậu sinh khởi, đối với khổ pháp trí nhãn và khổ pháp trí đều có nội chứng riêng, nói pháp của các thánh pháp về sau đều là loại này, vì sao? Do hai loại đầu hoặc nhãn hoặc trí, là chủng loại của thánh pháp sau tất cả bậc Hữu học và Vô học, từ pháp này mà trí kia được sinh, do đó tuệ vô lậu sinh khởi, đều có nội chứng riêng duyên pháp này làm cảnh. Nói các thánh pháp về sau đều là chủng loại này, nên gọi là khổ loại trí nhãn.

- *Khổ loại trí*: Là trí vô gián vô lậu này sinh khởi để xét định ẩn chứng cho khổ loại trí nhãn. Vì sao? Vì khổ loại trí nhãn là trí vô gián vô lậu sinh, đối với nội chứng của khổ loại trí nhãn ẩn chứng nên gọi là khổ loại trí.

Như vậy trong các đế khác, tùy theo sự thích ứng của nó, các nhãn các trí tất cả đều phải biết. Trong vị này do pháp nhãn và pháp trí giác ngộ sở thủ, do loại nhãn và loại trí giác ngộ năng thủ. Vì sao? Vì đạo xuất thế gian có hai cảnh giới: 1/ Chân như. 2/ Chánh trí. Pháp trí thì phẩm đạo Chân như làm cảnh, loại trí thì phẩm đạo chánh trí làm cảnh, do đó mà các nhãn trí biết rõ như thật.

Lại nữa, người trụ trong tất cả vị nhãn trí, gọi là người an trụ quán

vô tướng, như Đức Bạc-già-phạm nói: “Thứ sáu là Bồ-đặc-già-la vô tướng trụ, tức là người hiện trụ trong vị nhẫn trí này”. Vì tất cả tướng trong vị này đều không thật có.

Lại nữa, trụ vô tướng có sáu thứ: 1. Không. 2. Vô tướng. 3. Vô nguyện. 4. Diệt định. 5. Hữu đẳng. 6. Kiến đạo. Như vậy mười sáu tâm sát-na gọi là Kiến đạo. Vì sao? Do đó trí nhẫn đã thâm nhiếp mười sáu tâm sát-na. Đối với việc chưa từng thấy cảnh của bốn thánh đế, đều dùng bốn sát-na mà thấy, gọi là Kiến đạo.

Lại, tâm sát-na, đối với cảnh trí sở tri sinh rất ráo thì gọi là một sát-na, không phải chỉ đối với xưa không nay có lúc sinh mà gọi là tâm sát-na, vì sao? Cho đến đối với trí năng tri cảnh sở tri sinh khởi sự tạo tác rất ráo gọi là một sát-na. Như nói khổ, thì phải biết khắp là một tâm sát-na, như vậy tập thì phải dứt hẳn... cũng vậy.

Lại, như nói trên, Kiến đạo sai khác đều là giả lập ra, chẳng phải chân thật như thế. Vì sao? Vì trong vị xuất thế đều có nội chứng riêng, dứt bật hý luận.

Lại nữa, tất cả Đạo đế do bốn thứ tương ứng tùy theo đấy biết rõ, là an lập, tư duy, chứng thọ và tròn đầy.

An lập là Thanh văn v.v... tùy điều mình chứng đã đắc rất ráo rồi, vì muốn cho người cũng hiểu rõ, do trí hậu đắc mà dùng vô lượng chủng Danh Cú Văn Thân an lập Đạo đế, là trong các đế có nhẫn như vậy như vậy, trí như vậy như vậy, như vậy...

Tư duy là đang tu tập phương tiện hiện quán, dùng trí thế gian như đã an lập tư duy mà tập quen.

Chứng thọ là đã tập quen như vậy rồi, tự bên trong chứng thọ Kiến đạo đầu tiên, đạt chánh vị xuất thế gian vô hý luận.

Tròn đầy là sau vị này thì chuyển y tròn đầy cho đến chứng đắc rất ráo, đã chứng đắc vị rất ráo, do Trí hậu đắc dùng Danh Cú Văn Thân an lập đạo đế.

Bốn tướng như vậy là bánh xe của đạo chân thật thường xoay chuyển, nương nhau mà chuyển không có đứt đoạn, như kinh nói: “Người xa trần, lia cấu là mắt chánh pháp sinh trong các pháp”. Đây là nói theo Kiến đạo, các pháp nhẫn có thể xa trần, các pháp trí có thể lia cấu, do bốn tướng kia trong các đế là thánh tuệ nhãn mẫu nhiệm làm tự tánh.

Pháp nhẫn có thể xa trần, là do các pháp nhẫn có thể dứt hẳn tất cả phiền não trần. Pháp trí có khả năng lia cấu, là do các pháp trí đã dứt chướng dựa vào cấu mà được sinh.

Lại nữa, đối với hai vị nhẫn trí này như thứ lớp của nó, vì biết

khấp, về dứt hẳn, nên đạo được thanh tịnh, nương vào đây mà nói xa trần, lìa cấu.

Lại, kinh nói: “Kiến pháp, đắc pháp, cực thông đạt pháp, rốt ráo kiên pháp, vượt qua tất cả mong cầu và nghi ngờ, không nhờ tha duyên, đối với đại sư giáo ngoài ra không còn ai có thể dẫn. Người đắc Vô sở úy trong các pháp, điều này cũng nói theo Kiến đạo, đối với hữu tình được giáo hóa thì nói theo hiện quán thánh đế vô gián. Kiến pháp, là các pháp nhãn, vì người kia thông đạt pháp chân thật. Đắc pháp, là các pháp trí, vì người kia đối với chuyển y có thể khởi chứng đắc. Cực thông đạt pháp, là các loại nhãn thông đạt các thánh pháp, chính là hai loại này. Rốt ráo kiên pháp, là các loại trí, đối với các sở tri đã rốt ráo. Vượt qua tất cả mong cầu, là do các nhãn trí đạo xuất thế gian, chứng đắc quả Thánh trong đêm dài mong cầu, vì đối với điều chứng không có hy vọng. Vượt qua tất cả nghi ngờ, là trong vị này đối với điều chứng của người khác thì không có do dự, ngoài ra cũng có thể chứng thắng vị này. Không nhờ duyên khác, là trong sự tu đạo tuy không có người khác chỉ dẫn mà tự nhiên khéo léo. Đối với Đại sư giáo ngoài ra không thể dẫn, là đối với thánh giáo của Phật đã được chứng tịnh, tuy chuyển các đời khác nhưng không bị tà đạo dẫn dắt. Người đắc Vô sở úy trong các pháp, là dựa vào sự chứng mà đặt câu hỏi đáp trong pháp, như ghét bỏ tăng thượng mạn dục thì tâm yếu hèn không bao giờ có.

- Tu đạo. Thế nào là Tu đạo? Là trong Kiến đạo tất cả đạo thế gian, đạo xuất thế gian, nhuyển đạo, trung đạo, thượng đạo, đạo phương tiện, đạo vô gián, đạo giải thoát, đạo thắng tiến... đều gọi là tu đạo. Vì sao? Vì các Thánh đệ tử của Phật đã đắc hiện quán đế, từ đây trở lên vì dứt trừ phương tiện của kiết còn lại mà tập quen đạo thế gian... Gọi là Tu đạo.

Đạo thế gian, là sơ tĩnh lự, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và phi tưởng Phi phi tưởng xứ của thế gian. Như vậy tĩnh lự cõi Vô Sắc do bốn thứ tương ưng phân biệt rộng, là tạp nhiễm, thanh bạch, lập ra và thanh tịnh.

Tạp nhiễm, là bốn thứ căn vô ký: 1 Ái. 2 Kiến. 3 Mạn. 4 Vô minh. Do bốn hoặc này mà tâm bị nhiễm ô, đối với các nhiễm ô nơi môn tĩnh lự định, khiến cho tất cả phiền não và tùy phiền não hữu phú Vô ký của cõi Sắc và cõi Vô Sắc sinh trưởng không dứt. Vì sao? Vì có ái nên vị thượng là bị nhiễm của tĩnh lự tạp nhiễm, vì tham mùi vị lạc khinh an của định tịnh. Do có kiến nên trên kiến là bị nhiễm của tĩnh lự tạp nhiễm. Dựa vào tĩnh lự mà phát khởi chấp trước so lường kiến của đời

trước do có mạn nên trên mạn bị nhiễm của tĩnh lự làm nhiễm, dựa vào chứng thắng định mà khởi cao mạn. Do vô minh nên trên nghi bị tạp nhiễm của tĩnh lự làm nhiễm, người cầu giải thoát do chưa thông đạt đạo lý chân thật, nên đối với sở chứng của thắng phẩm thường sinh nghi ngờ, nghĩ là được giải thoát hay không được giải thoát? Như vậy phiền não thường nhiễm trong tâm người đó, khiến cho đại hoặc, tiểu hoặc của cõi Sắc và cõi Vô Sắc trôi lăn nối tiếp.

Thanh bạch, là tĩnh lự Vô Sắc thanh tịnh, do tánh thiện nên gọi là thanh bạch. Tuy là thế gian, nhưng vì lìa triền cấu nên cũng gọi là Tịnh.

Lập ra, có bốn thứ lập ra:

1. Chi phần lập ra.
2. Đẳng chí lập ra.
3. Phẩm loại lập ra.
4. Danh tướng lập ra.

Trong các tĩnh lự thì có đủ bốn lập ra, trong các đường Vô Sắc thì chỉ có ba lập ra, trừ chi phần.

- Chi phần lập ra: Là sơ tĩnh lự có năm chi: a. Tâm. b. Tứ. c. Hỷ. d. Lạc. e. Tâm một cảnh tánh.

Tĩnh lự thứ hai có bốn chi, bốn chi là: a. Nội đẳng tịnh. b. Hỷ. c. Lạc. d. Tâm một cảnh tánh.

Tĩnh lự thứ ba có năm chi, năm chi là: a. Xả. b. Niệm. c. Chánh trí. d. Lạc. e. Tâm một cảnh tánh.

Tĩnh lự thứ tư có bốn chi, bốn chi là: a. Xả thanh tịnh. b. Xả niệm thanh tịnh. c. Bất khổ bất lạc thọ. d. Tâm một cảnh tánh.

Hỏi: Pháp có vô lượng, vì sao chỉ lập tâm từ... làm chi?

Đáp: Vì chi đối trị, chi lợi ích, vì chỗ nương tựa tánh của hai chi ấy, do ba chi phần này đầy đủ không chờ chi khác. Hai thứ tâm từ trong sơ tĩnh lự là chi đối trị, có thể đoạn tâm, tứ của dục sân hại trong cõi Dục. Hai chi hỷ lạc là chi lợi ích, do chi tâm, tứ đối trị chỗ cần đối trị rồi đắc lìa sinh hỷ lạc. Tâm một cảnh tánh, là chi tự tánh là chỗ nương của hai chi hỷ lạc kia, vì dựa vào lực định mà tâm tứ... chuyển. Nội đẳng tịnh trong tĩnh lự thứ hai do năng đối trị là tâm, tứ này nên hỷ lạc là chi lợi ích. Tâm nhất cảnh tánh là chỗ nương của hai chi hỷ lạc, nghĩa của chi tự tánh như trước đã nói. Xả, niệm, chánh trí trong tĩnh lự thứ ba là chi đối trị, do ba chi này có thể trị hỷ, lạc là chi lợi ích, tâm một cảnh tánh là chỗ nương của hai chi hỷ lạc, nghĩa của chi tự tánh như trước đã nói. Xả thanh tịnh và xả niệm thanh tịnh là chi đối trị, vì hai chi này có thể

trị lạc, bất khổ bất lạc thọ là chi lợi ích, tâm một cảnh tánh là chỗ nương của hai chi trên. Chi tự tánh trong các Vô Sắc không lập chi phần, vì tánh nhất vị của Xa-ma-tha.

- Đẳng chí lập ra. Thế nào là đẳng chí lập ra? Là do bảy thứ tác ý chứng nhập Sơ tĩnh lự, như vậy cho đến phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Thế nào gọi là bảy thứ tác ý: a. Tác ý rõ tướng. b. Tác ý thắng giải. c. Tác ý xa lìa. d. Tác ý nhiếp lạc. e. Tác ý quán sát. f. Tác ý phương tiện rất ráo. g. Tác ý phương tiện rất ráo quả. Đây là phân biệt rộng, như Thanh văn địa, sau đó là du-già xứ.

Hỏi: Thế nào là khi chứng nhập Sơ tĩnh lự do bảy thứ tác ý ?

Đáp: Là tác ý của định địa thấy tội lỗi ở cõi Dục v.v... nên biết rõ tướng thô, trong sơ tĩnh lự, tướng thô này là không nên gọi là tướng tĩnh, đó gọi là tác ý liễu tướng. Như vậy tác ý cũng làm sự xen lẫn của văn tư. Từ đây trở lên qua khỏi văn tư, hoàn toàn tu tướng duyên thô tướng tĩnh lấy làm cảnh giới, tu Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na, thường tư duy như tánh tướng thô tĩnh của điều tầm tứ, gọi đó là tác ý thắng giải. Do tu tập tác ý thắng giải này mà đầu tiên đoạn đạo sinh khởi câu hành tác ý kia, gọi là tác ý xa lìa. Do tác ý này có thể dứt phẩm thượng phiền não và có thể xa lìa thô nặng của phẩm kia. Người quán hạnh này trở lại mừng vui với công đức đã dứt ở cõi trên là đoạn kiến cõi trên, thì phần ít xúc đã xa lìa hỷ lạc. Vì muốn dứt trừ hôn trầm, ngủ nghĩ nên thường tu tập tác ý tịnh diệu, để vui với tâm đó, gọi là tác ý nhiếp lạc. Như vậy đã giúp giữ của người đang tu hành phương tiện phẩm thiện khiến cho phiền não triền cấu thuộc cõi Dục không hiện hành trở lại. Do đây, vì muốn xem xét phiền não đã dứt và chưa dứt, lại thêm khởi ý quán sát phiền não kia sinh thuận theo tướng tịnh, gọi đó là tác ý quán sát. Như vậy người tu hành thường quán sát tiến tu đối trị, vì khiến cho tất cả phiền não của cõi Dục có khi tạm thời gián đoạn được lìa trôi buộc, đạo đối trị này tương ứng với tác ý, là phương tiện sau rốt của sơ tĩnh lự nên gọi là tác ý phương tiện rất ráo. Từ đây liên tục chứng đắc tĩnh lự căn bản đầu tiên đi chung với tác ý, đó gọi là tác ý phương tiện rất ráo quả.

Lại nữa, do tác ý liễu tướng phát khởi tâm mong cầu, chính vì biết rõ cái cần nên dứt, chỗ nên đắc, là dứt cho nên là đắc! Do tác ý thắng giải làm nghĩa cho sự mong cầu mà phát khởi chánh phương tiện, do tác ý viễn lìa mà xả thượng phẩm hoặc, do tác ý nhiếp lạc mà xả trung phẩm hoặc, do tác ý quán sát mà an tâm đối với sự chứng xa lìa tăng thượng mạn, do tác ý phương tiện rất ráo mà xả hạ phẩm hoặc, do tác ý phương tiện rất ráo quả mà lãnh thọ chỗ tu tác ý tu quả của phương tiện

kia. Nếu vì chứng nhập định Sơ tĩnh lự mà tu bảy thứ tác ý, như vậy phải biết cho đến vì chứng nhập định Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Lại, tướng thô là đối với tất cả địa dưới từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, như vậy tướng thô lược có hai thứ, một là trụ nơi khổ nặng, không trụ vắng lặng. Hai là mạng hạnh nhỏ ít, vì tuổi thọ ngắn ngủi. Tướng tinh, là đối với tất cả địa trên từ Sơ tĩnh lự cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, trái với tướng thô .

- Phẩm loại lập ra: Là đối với định Sơ tĩnh lự có đủ ba phẩm huân tu, là nhuuyến trung thượng. Như Sơ tĩnh lự, ba phẩm huân tu của các tĩnh lự khác và cõi Vô Sắc cũng vậy. Do ba phẩm nhuuyến trung thượng huân tu nơi Sơ tĩnh lự, trong Sơ tĩnh lự trở lại sinh ba Dị thực, như Sơ tĩnh lự trong các tĩnh lự khác, hoặc huân tu, hoặc sinh quả, mỗi mỗi ba phẩm cũng vậy. Ba phẩm huân tu trong các tĩnh lự sinh ba quả, là trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ và trời Đại Phạm, như vậy nói rộng cũng như trước. Trong cõi Vô Sắc thì không có xứ sở riêng, không lập sinh quả sai khác. Vì sao? Vì đối với cõi Vô Sắc không có các xứ và cung điện bền vững, không lập ra sinh quả sai khác, nhưng do ba phẩm huân tu nơi định Vô Sắc. Khi dị thực kia sinh thì có cao có thấp, có kém có hơn. Dị thực kia khi sinh thì có cao có thấp, là do tuổi thọ... có sai khác. Có kém có hơn, là nhiễm ô và bất nhiễm ô có sai khác phần nhiều hoặc phần ít.

- Danh tướng lập ra: Là Tam-ma-địa trong bốn tĩnh lự sai khác vô lượng, danh tự không thể tính toán, là bất khả tư nghì. Vì sao? Trong định thuộc về của Sơ tĩnh lự, là nơi nhập Tam-ma-địa của chư Phật Thế Tôn và chư Đại Bồ-tát đắc Đại oai đức rất ráo. Tam-ma-địa kia, tất cả Thanh văn và Độc giác còn không thể hiểu rõ tên của nó, làm sao biết số của nó, hướng chi là chứng nhập? Như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: “Tam-ma-địa, số nó hơn một trăm”. Như vậy trong các kinh Đại thừa nói: “Tam-ma-địa, số ấy vô lượng”. Như định thuộc về Sơ tĩnh lự, đối với định thuộc về tĩnh lự khác cũng vậy. Những điều đã nói như vậy đều là dựa vào Tĩnh lự Ba-la-mật-đa.

Thanh tịnh: Là định bờ mé trong Sơ tĩnh lự, cho đến định bờ mé của Phi tướng Phi phi tướng xứ, đó gọi là định bờ mé của tĩnh lự thanh tịnh cõi Vô Sắc, là vì muốn dẫn phát thắng Phẩm Công đức đặc tự tại mà tu định gắng nhận đến chỗ rất ráo.

Đạo xuất thế gian, là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí thuộc về Pháp trí và Loại trí Phẩm trong Tu đạo, như vậy tướng của tám trí trong Kiến đạo đã rộng nói, và trí kia tương ứng với Tam-ma-địa, hoặc thuộc

về định Vị Chí, hoặc Sơ tính lự cho đến thuộc về Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ chỉ là thế gian, vì tướng không sáng rõ thường hiện hành. Do tướng không sáng rõ thường hiện tiền, không phải cực sáng rõ hiện hành chỗ nương của thánh đạo, nên hoàn toàn thuộc về thế gian do đạo lý này mà tướng kia suy yếu không thể mạnh mẽ lấy tướng sở duyên nên gọi là vô tướng.

Hỏi: Làm sao biết Phi tướng Phi phi tướng xứ không có Thánh đạo? Do Thế Tôn nói: “Cho đến hữu tướng Tam-ma-bát-đề mới có thể soi rõ như thật thông đạt diệt tận Tam-ma-bát-đề”. Là xuất thế gian, do sự chứng đắc sau Thánh đạo phải đối với cõi người mới có thể dẫn phát. Dẫn phát, là nghĩa sơ khởi, hoặc đối với cõi người, hoặc ở cõi Sắc có thể hiện tiền, trước hết đã sinh khởi rồi sau đó lại hiện tiền. “Hoặc đối với cõi người”, tức là đối với đời này. “Hoặc đối với cõi Sắc”, là đối với đời sau.

Hỏi: Thế nào là Thánh đệ tử đã được định Vô Sắc rồi lìa cõi Sắc, muốn sinh trở lại cõi Sắc thì sao?

Đáp: Không cần lìa hẳn dục của cõi Sắc mới nhập định Vô Sắc, nên trong đây phải nêu ra bốn trường hợp.

Hỏi: Nếu người đã lìa dục cõi Sắc, thì tất cả đều có thể nhập định vắng lặng giải thoát của cõi Vô Sắc hay sao? Nếu người có thể nhập định vắng lặng giải thoát cõi Vô Sắc, thì tất cả đã lìa dục cõi Sắc hay sao?

Đáp: Trường hợp thứ nhất, là nương vào định Vị Chí rồi lìa dục cõi Sắc mà không thể nhập được định vắng lặng giải thoát của cõi Vô Sắc. Trường hợp thứ hai, là các bậc Thánh đã đắc tính lự đệ Tứ không cầu sinh cõi Vô Sắc mà khởi chán trái, tính lự đệ Tứ hằng hiện tiền, xả đạo đoạn kiết nương vào đạo thắng tiến, dần dần có thể được nhập định vắng lặng giải thoát của cõi Vô Sắc. Trường hợp thứ ba, tức là hành giả này cần cầu lìa dục, dựa vào đạo dứt kiết, dần dần có thể nhập định vắng lặng giải thoát của cõi Vô Sắc. Trường hợp thứ tư, là trừ tướng như thế của các trường hợp trên.

Hỏi: Trong cõi Vô Sắc, vì sao diệt định không khởi hiện tiền?

Đáp: Sinh cõi Vô Sắc thì định Diệt tận này phần nhiều không khởi hiện tiền, do người trụ nơi Dị thực của giải thoát vắng lặng đối với diệt định này phần nhiều không phát khởi cần phương tiện. Vì sao? Vì chư Thánh đệ tử muốn an trụ nơi trụ vắng lặng, đối với cõi người... Dẫn diệt định này khiến cho hiện tiền. Nếu người đã sinh cõi Vô Sắc, không do công dụng mà tự nhiên an trụ nơi trụ Dị thực của giải thoát vắng lặng

bậc nhất, không phát khởi lại phương tiện công dụng để cầu diệt định này khiến cho hiện ở trước.

Nhuyễn đạo: Là ba phẩm Đạo nhuyển nhuyển, nhuyển trung và nhuyển thượng, do đạo này có thể xả sự trói buộc nơi ba phẩm phiền não Thượng Thượng, Thượng Trung và Thượng Hạ của các địa trong ba cõi.

Trung đạo, là ba phẩm đạo trung nhuyển, trung trung và trung thượng, do đạo này có thể xả sự trói buộc nơi ba phẩm phiền não trung thượng, trung trung và trung nhuyển trong các địa của ba cõi.

Thượng đạo, ba phẩm đạo là thượng nhuyển, thượng trung và thượng thượng, do đạo này có thể xả sự trói buộc nơi ba phẩm phiền não thượng nhuyển, thượng trung và thượng thượng của các địa trong ba cõi.

Như vậy nhuyển phẩm Đạo, Trung Phẩm Đạo và Thượng Phẩm Đạo, lại đều phân riêng thành ba, lập ra chín phẩm nhuyển Trung Thượng, là để nói về dứt phiền não của tu đạo dần dần dứt. Lại nữa, vì sao mà nhuyển phẩm đạo có thể dứt thượng thượng phẩm phiền não? Vì phiền não này rất mạnh mẽ đối với sự hủy diệt tâm quý. Không hổ thẹn, là trong thân thô nặng hiện hành, dễ có thể biết rõ, dễ có thể phân biệt, nên thượng phẩm phiền não này cũng như thô cấu, đối trị nhỏ thì liền có thể dứt trừ. Hoặc phiền não hạ hạ phẩm trái với thượng phẩm phiền não, là trong thân ẩn kín nhỏ nhiệm hiện hành, khó hiểu rõ được, khó phân biệt được, như các bụi cấu nhỏ nhiệm ẩn núp thì đại lực đối trị mới có thể dứt trừ. Do đạo lý này nên biết sự khác nơi năng trị, sở trị lập ra trái nhau cũng vậy.

Đạo phương tiện, là do đạo này có thể xả bỏ phiền não. Vì sao? Vì đang khi tu đạo như vậy, có thể dần dần xả lìa thượng phẩm khác nhau v.v..., đã sinh Phẩm Loại thô nặng của phiền não, một phần dần dần được chuyển y, đó gọi là đạo phương tiện trong tu đạo.

Đạo Vô Gián, là do đạo vô gián này dứt hẳn phiền não khiến cho không còn sót gì, vì sao? Vì đạo vô gián này có thể dứt hẳn dứt trừ sự sinh phẩm loại phiền não thô nặng của phẩm phiền não ấy khiến không sót. Lại nữa, chuyển y thô nặng đăc không thô nặng, gọi là đạo vô gián trong tu đạo.

Đạo giải thoát là do đạo này, mà sự chứng đăc giải thoát của nó là do dứt phiền não. Vì sao? Vì đạo này có thể chứng đăc sự chuyển y của nó là do dứt hẳn phiền não.

Đạo thắng tiến, là vì tất cả đạo phương tiện vô gián giải thoát đă

dứt các phiền não khác, gọi đó là đạo thắng tiến. Vì sao? Vì sau khi đoạn phẩm này thì tất cả đạo phương tiện, vô gián, giải thoát của phiền não khác so với phẩm này là thắng tiến, nên gọi là đạo thắng tiến. Lại nữa, trừ bỏ phương tiện đoạn phiền não, hoặc Phương tiện cần tư duy các pháp, hoặc phương tiện cần an trụ các pháp, hoặc tiến tu các tất cả đạo Tam-ma-bát-để khác, gọi là đạo thắng tiến. Lại nữa, vì hiển bày nghĩa khác, xả bỏ các đạo phương tiện đoạn phiền não, chỉ chánh tư duy các pháp trong khế kinh, hoặc đã tư duy đã chứng pháp đầu tiên an trụ quán sát, hoặc tiến vào các thắng phẩm định, những thứ như vậy gọi là đạo thắng tiến. Lại nữa, vì dẫn phát công đức thắng phẩm hoặc an trụ các tất cả đạo, gọi là đạo thắng tiến. Vì sao? Nếu vì dẫn phát thắng phẩm công đức của thần thông vô lượng, hoặc các đạo kia đã sinh rồi hiện tiền an trụ, thì những đạo như vậy gọi là đạo thắng tiến.

Như thế là đã nói rộng tướng sai khác của tu đạo. Giờ đây nương vào thế mạnh của nghĩa mà biện luận thêm tu sai khác của các đạo.

Tu là thế nào ? Nói lược có bốn thứ:

1. Tu đắc.
2. Tu tập.
3. Tu trừ khử.
4. Tu đối trị.

- *Tu đắc*, là pháp thiện chưa sinh thì tu tập khiến cho sinh.

- *Tu tập*, là pháp thiện đã sinh, thì tu khiến cho trụ chắc không quên, tô bồi rộng thêm.

- *Tu trừ khử*, là pháp ác bất thiện đã sinh, thì tu khiến cho dứt hẳn.

- *Tu đối trị*, là pháp ác bất thiện chưa sinh, thì tu khiến cho bất sinh. Như vậy bốn tướng tu sai khác tùy theo sự thích ứng của nó nương vào bốn chánh đoạn mà nói. Vì đắc nên tu, gọi là tu đắc. Do tu lực này mà đắc điều chưa đắc các pháp thiện. Tập tức là tu nên gọi là tu tập, do tu lực này tập quen rồi thì đắc các pháp thiện. Vì trừ nên tu, gọi là tu trừ khử, do năng lực tu này mà trừ khử vị hiện hành của các pháp bất thiện. Tu tập đối trị gọi là tu đối trị, đối trị các pháp bất thiện vị lai, khiến cho thành pháp bất sinh. Lại nữa, khi đạo sinh thì có thể an lập tập khí của tự mình, gọi là tu đắc, từ chủng loại này mà xoay vần thêm mạnh nối tiếp sinh. Lại nữa, ngay nơi đạo này hiện tiền tu tập, gọi đó là tu tập, do ngay nơi đạo này mà hiện tiền hiện hành, cũng tức là ngay đạo này khi hiện tiền thì có thể xả tự chướng, gọi là tu trừ khử, vì đạo này có thể diệt chướng thô nặng là điều đối trị cần của tự mình, cũng

tức là đạo này đã xả tự chương, cũng khiến cho vị lai kia trụ trong pháp bất sinh, gọi là tu đối trị. Do đã đắc chuyển y, đối với đời vị lai xếp đặt các chương kia khiến cho trụ pháp bất sinh. Lại cũng do đủ bốn thứ đối trị mà gọi là tu đối trị:

1. Chán hoại đối trị.
2. Đoạn đối trị.
3. Trì đối trị.
4. Viễn phần đối trị.

- *Chán hoại đối trị*, là thấy nhiều tội lỗi đối với các hành hữu lậu, là vì hành của các thứ như bệnh, như ung nhọt... chán hoại năm thủ uẩn.

- *Đoạn đối trị*, là đạo phương tiện và vô gián, nó có công năng dứt các phiền não.

- *Trì đối trị*, là đạo giải thoát, do đạo giải thoát kia nắm giữ đoạn đắc.

- *Viễn phần đối trị*, là các đạo từ đây về sau. Do đạo này khiến cho sự dứt phiền não trước kia càng xa lìa. Như vậy bốn thứ đối trị sai khác, là nghĩa của tu sai khác đối trị ở trước.

Lại nữa, đạo sai khác có mười một thứ:

1. Quán sát sự đạo.
2. Cần công dụng đạo.
3. Tu trị định đạo.
4. Hiện quán đạo phương tiện.
5. Thân cận hiện quán đạo.
6. Hiện quán đạo.
7. Thanh tịnh xuất ly đạo.
8. Y căn sai khác đạo.
9. Tịnh tu ba học đạo.
10. Phát các công đức đạo.
11. Biến nhiếp các đạo đạo.

Phải biết trong đây do sai khác của giác phần mà lập ra mười một thứ đạo, như thứ lớp của nó là ba mươi bảy Bồ-đề phần. Bốn thứ chánh hạnh và bốn thứ pháp tích của phần pháp Bồ-đề, là ba căn vô lậu của Tam-ma-địa Tỳ-bát-xá-na.

- Quán sát sự đạo, là bốn niệm trụ. Do niệm này mà đầu tiên dùng các hạnh bất tịnh mà quán sát tất cả sự thân, thọ, tâm pháp.

- Cần công dụng đạo, là bốn chánh đạo, do quán sát khắp tất cả sự rồi vì dứt các chương để phát khởi cần tinh tiến.

- Tu trì định đạo, là bốn thần túc, như vậy trừ sạch tất cả chướng rỗi, lại do dục cần tâm quán môn tu Tam-ma-địa, khiến cho trở thành tánh điều thuận gánh vác.

- Hiện quán đạo phương tiện, là năm căn như tín v.v..., như vậy tu trì Tam-ma-địa rồi, vì muốn chứng đắc Thánh đạo vô lậu mà siêng tu duyên Tăng thượng phương tiện như Noãn, Đảnh.

- Thân cận hiện quán đạo, là năm lực như tín... như vậy người đã đắc duyên Tăng thượng rồi, vì muốn thông đạt đế lý vô gián nên tu tập điều phục các chướng như bất tín... là phương tiện gần của pháp Nhẫn bậc nhất.

- Hiện quán đạo, là bảy giác chi, do đạo này mà đầu tiên đều nội chứng riêng giác ngộ chân lý.

- Thanh tịnh xuất ly đạo, là tám chi Thánh đạo, từ đây về sau vì muốn cho phiền não do tu đạo dứt được thanh tịnh mà tu đạo xuất ly, do đạo lý này mà Bồ-đề phân pháp thứ lớp như vậy.

- Y căn sai khác đạo, là bốn chánh hạnh, vì dựa vào các địa sai khác của cận phần căn bản và căn lợi độn sai khác. Khổ chánh hạnh, là dựa vào định vị chí và định Vô Sắc, như thứ lớp của nó chỉ quán yếu kém. Lạc chánh hạnh, là dựa vào tĩnh lực căn bản mà hai đạo song song chuyển. Hai trì thông, là độn căn nương vào khổ vui. Hai tốc thông, là lợi căn nương vào khổ lạc.

- Tịnh tu ba học đạo, là bốn pháp tích, do đạo này mà tịnh tu ba học tăng, tâm, tuệ. Vô tham vô sân có thể tịnh tu trì giới học tăng thượng, không bao giờ hủy phạm học xứ đã học bởi môn tham dục sân giận. Chánh niệm có thể tịnh tu trì tâm học tăng thượng, do không quên sở duyên trì tâm khiến cho định. Chánh định có thể tịnh tu trì Tuệ học tăng thượng, do tâm đắc định có công năng chứng Trí như thật.

- Phát các công đức đạo: Là Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na, do đạo này có thể làm thành tất cả công đức.

- Biến nhiếp các đạo đạo: Là ba căn vô lậu, do đạo này có thể thâm nhiếp Sơ, Trung và rốt ráo tất cả đạo, Vị trí dục tri căn thâm nhiếp đạo phương tiện, Dĩ tri căn thâm nhiếp tu đạo, Cụ tri căn thâm nhiếp Rốt ráo đạo.

